

Số: /QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch công tác cải cách hành chính  
năm 2022 trên địa bàn tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 8917/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của tỉnh Long An;*

*Căn cứ Quyết định số 3546/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Long An.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại văn bản số 4399/SNV-TTr ngày 30/11/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Long An.

**Điều 2.** Giao Sở Nội vụ chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị và tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng sở, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2022./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Vụ CCHC - Bộ nội vụ;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Phòng THKSTTHC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Út**

**KẾ HOẠCH****Công tác cải cách hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Long An**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2021  
của UBND tỉnh Long An)*

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 8917/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của tỉnh Long An và Quyết định số 3546/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Long An. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch công tác CCHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ CHỈ TIÊU****1. Mục tiêu**

Tập trung đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 8917/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh và Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh theo Quyết định số 3546/QĐ-UBND ngày 04/11/2021, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra.

Khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện công tác CCHC năm 2021 của tỉnh nhằm tiếp tục giữ vững và cải thiện thứ hạng Chỉ số CCHC (PAR INDEX), góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh (PAPI).

Tăng cường trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong việc triển khai nhiệm vụ CCHC. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**2. Yêu cầu**

Nâng cao chất lượng thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở đáp ứng yêu cầu kế hoạch đề ra. Gắn kết chặt chẽ việc thực hiện CCHC với nhiệm vụ thường xuyên; tăng cường chỉ đạo, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện CCHC, bảo đảm chất lượng, hiệu quả trên cơ sở thực hiện các giải pháp tại Quyết định số 8917/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh.

Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ CCHC; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trong năm 2022; bảo đảm nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

### **3. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được đề ra trong giai đoạn 2021-2025, được phân bố trong năm 2022, cụ thể như sau: *(Phụ lục 1 đính kèm)*.

## **II. NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2022**

### **1. Cải cách thể chế**

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuân thủ quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng của việc tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; tránh chồng chéo, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, cụ thể, minh bạch và tính khả thi khi áp dụng thực hiện; tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật, triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật; đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật; thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức thành viên, người dân, doanh nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là TTHC thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an,... và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn;

Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; kịp thời kiến nghị loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; rà soát kiến nghị loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không hợp lý, không cần thiết; tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng thuận lợi cho nhân dân, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân; đảm bảo phân cấp đúng quy định (khi có hướng dẫn của Trung ương).

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

Thực hiện rà soát các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần; thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa cấp tỉnh, cấp huyện, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa các cấp ở địa phương; theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp; đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp; tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

Triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

Tiếp tục cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ CBCCVC các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu; tăng cường ứng dụng thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức; tiếp tục mở rộng thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý; đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại CBCCVC theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, dễ phát sinh tiêu cực. Kiên quyết xử lý, sắp xếp, chuyển đổi vị trí công tác theo quy định và đối với những trường hợp CBCCVC vi phạm, không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2022, trong đó đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ CBCCVC gắn với vị trí việc làm; sửa đổi, bổ sung nội dung, chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và theo yêu cầu vị trí việc làm để đào tạo không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát, đề xuất cắt giảm các chứng chỉ bồi dưỡng không cần thiết; thực hiện tốt chế độ, chính sách tiền lương theo quy định của Trung ương và của tỉnh gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng. Khuyến khích CBCCVC tự nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững. Xây dựng và triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài giai đoạn 2021-2030.

## **5. Cải cách tài chính công**

Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định về thực hiện cơ chế tự chủ kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên cơ sở cụ thể hóa các quy định của pháp luật; thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, kết quả phân phối các quỹ theo cơ chế tài chính, phân phối thu nhập bổ sung; thâm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

Triển khai thực hiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Tăng cường thanh tra, giám sát và công khai minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công; thực hiện các quy định về đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và

công nghệ...; các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ).

Rà soát chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn về chi thường xuyên và chi đầu tư; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính phủ số**

Triển khai thực hiện Chương trình số 3288/CTr-UBND ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Long An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và thực hiện Kế hoạch Phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Long An năm 2022 phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, trong đó tập trung các nhiệm vụ sau:

- Nâng cấp hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo mở rộng ứng dụng công nghệ điện toán đám mây; đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, an ninh mạng, về năng lực phục vụ phát triển chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh; tiếp tục rà soát hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC) của tỉnh.

- Tiếp tục kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các hệ thống trong tỉnh và giữa tỉnh với các bộ ngành đã sẵn sàng qua nền tảng LGSP của tỉnh với nền tảng NGSP của quốc gia; tập trung triển khai dự án xây dựng Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh giai đoạn 1, hình thành Kho cơ sở dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

- Triển khai xây dựng, đưa vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tập trung, đa nhiệm của tỉnh. Triển khai một số dịch vụ đô thị thông minh thiết yếu như: Giám sát an ninh, trật tự; y tế, giáo dục, phản ánh kiến nghị, ....

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC trên cơ sở liên thông, kết nối thông suốt Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của tỉnh, kết nối Cổng dịch vụ công quốc gia để cung cấp dịch vụ công trực tuyến được tốt nhất.

- Triển khai các giải pháp tham mưu, theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện phân đấu đạt các chỉ tiêu trọng tâm: Ít nhất 50% hồ sơ giải quyết theo

dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ (đối với những thủ tục có phát sinh hồ sơ); 83% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 65% hồ sơ công việc tại cấp huyện, 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ có nội dung mật); 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, 94% cán bộ, công chức cấp xã có máy tính kết nối mạng nội bộ, mạng Internet phục vụ công việc; 100% máy tính trong cơ quan nhà nước các cấp có cấu hình trung bình trở lên; 100% hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đảm bảo an toàn theo cấp độ quy định; tối thiểu 90% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ.

- Triển khai Kế hoạch thí điểm chuyển đổi số cấp xã cho 03 xã thuộc huyện Cần Giuộc, Châu Thành và thành phố Tân An.

### **III. GIẢI PHÁP**

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực CCHC của tỉnh và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC. Có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC để bảo đảm kế hoạch được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

- Thủ trưởng sở ngành tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi quản lý của mình; xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và CBCCVC; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong CCHC.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về CBCCVC và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung CCHC của Đảng, Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ CBCCVC trong thực thi nhiệm vụ, công vụ; cần phải tiếp tục sử dụng công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, như tăng cường lấy ý kiến người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của CBCCVC; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Huy động và bố trí đủ CBCCVC có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Nâng cao năng lực nghiên cứu tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ CCHC. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC của tỉnh. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ CBCCVC đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn

thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân. Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ CBCCVN bằng nhiều biện pháp như: Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ CBCCVN bằng chính sách lương, thưởng thoả đáng; đổi mới phương thức đánh giá CBCCVN dựa trên kết quả công việc; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện CCHC.

- Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý nhà nước khác nhau, như: Ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

- Tăng cường phối hợp với Báo Long An mở các chuyên trang, chuyên mục CCHC trên báo in; các clip trên báo điện tử nhằm kịp thời tuyên truyền, phổ biến thông tin về CBCCVN và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung CCHC của Đảng, Nhà nước.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị và triển khai thực hiện những công việc được phân công tại Kế hoạch này theo đúng thời gian quy định (*Phụ lục 2 đính kèm*).

UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng kế hoạch CCHC và triển khai thực hiện.

2. Giao Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng, năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo xử lý kịp thời./.



## PHỤ LỤC 1

### MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2022 CỦA TỈNH LONG AN (Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2021 của UBND tỉnh Long An)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
<b>I. Cải cách thể chế</b>				
1	Rà soát hoàn thiện hệ thống thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý CBCCVC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tập trung thực hiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.	Các sở, ngành được giao nhiệm vụ	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	
<b>II. Cải cách TTHC</b>				
2	Tăng cường rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020 (khi có hướng dẫn của Trung ương).	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
3	Triển khai thực hiện có hiệu quả việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp (khi có hướng dẫn của Trung ương).	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
4	80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở	

			Thông tin và Truyền thông	
5	Tối thiểu 60% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến; trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 10% trở lên.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	
6	Đảm bảo số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng 30%, 20%, 15%.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	
7	Tối thiểu 80% TTHC áp dụng thực hiện trên địa bàn tỉnh đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 20% TTHC được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	
8	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 80%.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	
9	90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai, cập nhật kịp thời.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	
10	60% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	

### III. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

11	Tiếp tục rà soát phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức hệ thống hành chính nhà nước, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức; sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và ấp, khu phố theo tiêu chuẩn quy định.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ	
12	Rà soát sắp xếp giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ	
13	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 85%.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ	
14	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 80%.	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ	
<b>IV. Cải cách chế độ công vụ</b>				
15	Rà soát, xây dựng được đội ngũ CBCCVC có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ	
<b>V. Cải cách tài chính công</b>				
16	Tiếp tục rà soát, thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tăng tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập đặc biệt là tự bảo đảm chi thường xuyên tối thiểu đạt 10%; đảm bảo 70% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ	
<b>VI. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số</b>				

17	Triển khai xây dựng và đưa vào vận hành cơ bản Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	
18	Triển khai xây dựng, đưa vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tập trung, đa nhiệm của tỉnh. Triển khai một số dịch vụ đô thị thông minh thiết yếu như: Giám sát an ninh, trật tự; y tế, giáo dục, phản ánh kiến nghị, ....	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành liên quan; UBND TP Tân An	
19	Đảm bảo Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	
20	Có 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	
21	Có 30% các hệ thống thông tin có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, tổ chức được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khi phát sinh giao dịch không cần phải cung cấp lại.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	
22	Đảm bảo hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	
23	Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến UBND cấp tỉnh, cấp huyện: 100% cấp tỉnh, 50% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của UBND.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	

24	Có 83% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 65% hồ sơ công việc tại cấp huyện và ít nhất 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở Thông tin và Truyền thông	
25	Có 20% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	Thanh tra tỉnh triển khai, hướng dẫn; Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện.	Sở Thông tin và Truyền thông	
26	Xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ UBND và Chủ tịch UBND tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	

**Tổng cộng:** 06 nội dung, 26 mục tiêu, chỉ tiêu./.

**PHỤ LỤC 2**  
**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2021 của UBND tỉnh Long An)*

TT	Nội dung CCHC	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự trù kinh phí thực hiện (triệu đồng)
1	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC</b>	1.1. Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2022 tại các đơn vị, địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra CCHC.</li> <li>- Quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra.</li> <li>- Thông báo hoặc biên bản kiểm tra.</li> <li>- Báo cáo kết quả kiểm tra.</li> </ul>	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý II, III/2022	50
		1.2. Phối hợp triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2021 của tỉnh.	Báo cáo kết quả xác định Chỉ số CCHC tỉnh năm 2021.	Sở Nội vụ	Các sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh.	Theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ.	5
		1.3. Tập huấn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.	Các lớp tập huấn.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Trong năm	50
		1.4. Xác định Chỉ số CCHC năm 2021 đối với các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt Chỉ số CCHC năm 2021 của UBND tỉnh.</li> <li>- Khen thưởng công tác CCHC năm 2021</li> </ul>	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý IV/2021, Quý I/2022	0

	1.5. Xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2023.	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý IV/2022	0
	1.6. Xây dựng kế hoạch và triển khai điều tra đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.	- Kế hoạch của cơ quan, đơn vị. - Báo cáo kết quả.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ.	Trong năm	Các cơ quan, đơn vị dự trù kinh phí riêng.
	1.7. Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức về thực hiện công tác CCHC để phục vụ xác định chỉ số CCHC năm 2021 đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện.	- Kế hoạch của UBND tỉnh - Báo cáo của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ.	UBND cấp huyện.	Trong năm	150
	1.8. Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền năm 2022.	Kế hoạch của UBND tỉnh.	Sở Nội vụ.	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý I, II/2022	0
	1.9. Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên Báo Long An, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.	Chuyên trang, chuyên mục.	Báo Long An, Đài PT và TH tỉnh.	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Thường xuyên	100
	1.10. Tổ chức học tập kinh nghiệm một số địa phương có mô hình, sáng kiến điển hình về CCHC.	- Kế hoạch học tập - Báo cáo kết quả học tập	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành liên quan.	Trong năm	70
	1.11. Hội nghị tổng kết công tác CCHC năm 2021, triển khai Kế hoạch CCHC năm 2022. Triển khai Chương trình CCHC giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch giai đoạn 2021-2025.	- Báo cáo năm 2021 - Kế hoạch năm 2022 - Chương trình CCHC giai đoạn 2021-2030 - Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan ngành dọc và UBND cấp huyện, cấp xã.	Quý I/2022	30
	1.12. Xây dựng Kế hoạch khắc phụ Chỉ số CCHC (PAR INDEX),	Kế hoạch của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, các	Sở Nội vụ.	Sau khi Trung	0

		Chỉ số hài lòng (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).		Cơ quan ngành dọc và UBND cấp huyện, cấp xã		Ước công bố	
2	<b>Cải cách thể chế</b>	2.1. Thực hiện theo dõi thi hành pháp luật	- Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2022 của UBND tỉnh - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	- Quý I/2022 - Trước ngày 22/12/2022	Sở Tư pháp dự trừ kinh phí riêng.
		2.2. Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VPQPPL trên địa bàn tỉnh.	Kế hoạch của UBND tỉnh.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý I/2022	
		2.3. Tự kiểm tra, kiểm tra VBQPPL trên địa bàn tỉnh.	Báo cáo của UBND tỉnh (Theo thời gian báo cáo thống kê ngành Tư pháp).	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh.	Định kỳ năm theo quy định.	
		2.4. Rà soát đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ VPQPPL không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành	Báo cáo của UBND tỉnh (Theo thời gian báo cáo thống kê ngành Tư pháp).	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh.	Định kỳ năm theo quy định.	
		2.5. Rà soát, công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực năm 2021.	Quyết định về việc công bố danh mục VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực trong năm 2021.	Sở Tư pháp.	Ban Pháp chế HĐND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh.	Quý I/2022	
<b>Cải</b>	3.1. Xây dựng Kế hoạch kiểm soát TTHC; Kế hoạch, rà soát, đánh giá TTHC năm 2022	Các Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh.	Quý I/2022	Văn phòng UBND	



		3.2. Triển khai thực hiện các hoạt động kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh	Các Quyết định, văn bản chỉ đạo.	Văn phòng UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và cấp xã	Trong năm	tính dự trù kinh phí riêng.
		3.3. Công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo VBQPPL của Trung ương (sau khi nhận được QĐ công bố TTHC của các bộ, ngành) và của địa phương.	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh.	Trong năm	-
		3.4. Thực hiện đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC trong các dự thảo văn bản QPPL (trường hợp được Luật giao).	Biểu mẫu đánh giá tác động quy định TTHC của sở, ngành tỉnh.	Sở, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản.	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh.	Trong năm (nếu có)	-
		3.5. Cho ý kiến, thẩm định về quy định TTHC trong các dự thảo văn bản QPPL (trường hợp được Luật giao).	Văn bản thẩm định.	Sở Tư pháp.	Văn phòng UBND tỉnh, Sở, ngành tỉnh được giao chủ trì soạn thảo văn bản và các cơ quan có liên quan.	Trong năm (nếu có)	Văn phòng UBND tỉnh
		3.6. Rà soát, đánh giá, đơn giản hóa TTHC	Báo cáo của UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh.	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Quý III/2022	tính dự trù kinh phí riêng.
		3.7. Kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; kiểm tra việc tổ chức và hoạt động	- Kế hoạch kiểm tra - Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra - Báo cáo kết quả kiểm tra	Văn phòng UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	Định kỳ, đột xuất trong năm	0

		của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công huyện cấp huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã (lồng ghép với kiểm tra CCHC)					
		3.8. Thực hiện các quy định tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị có phản ánh, kiến nghị	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	0
4	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>	4.1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh.	Các sở, ban ngành tỉnh.	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ.	Năm 2022 (khi có hướng dẫn của Trung ương).	Kinh phí xây dựng VBQPPL theo quy định.
		4.2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Quyết định của UBND huyện	UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Năm 2022 (khi có hướng dẫn của Trung ương).	Kinh phí xây dựng VBQPPL theo quy định.
		4.3. Sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện theo quy định của cấp trên	Quyết định của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các cấp.	Sở Nội vụ.	Năm 2022 (khi có hướng dẫn của Trung ương).	0
		4.4. Thực hiện phân cấp quản lý giữa các cấp chính quyền địa phương theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tế của tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ.	Năm 2022 (khi có quy định của Trung ương).	0

		4.5. Tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Đề án số 02-ĐA/TU của Tỉnh ủy về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương 6 (Khóa XII)	- Văn bản UBND tỉnh - Báo cáo của các cơ quan, đơn vị.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ.	Trong năm.	0
		4.6. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của Trung ương và của tỉnh	- Văn bản của UBND tỉnh - Báo cáo của Sở Nội vụ.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Trong năm	Theo Kế hoạch được phê duyệt.
5	Cải cách công vụ	5.1. Tổ chức sắp xếp, bố trí CBCCVC theo đề án vị trí việc làm đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	Báo cáo của cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ	Trong năm	0
		5.2. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức năm 2022	Kết quả tuyển dụng công chức, viên chức.	- Sở Nội vụ tuyển dụng công chức. - Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tuyển dụng viên chức.	- Sở, ngành tỉnh. - UBND cấp huyện.	Trong năm.	Sở Nội vụ dự trù kinh phí riêng.
		5.3. Thực hiện thi nâng ngạch lên chuyên viên và tương đương, chuyên viên lên chuyên viên chính	- Kế hoạch của UBND tỉnh. - Báo cáo.	Sở Nội vụ.	- Sở ngành tỉnh. - UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Trong năm.	

		5.4. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCV năm 2022 đối với sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCV của tỉnh. - Báo cáo của Sở Nội vụ.	Sở Nội vụ.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	- Quý IV/2021. - Quý IV/2022.	0
		5.5. Đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBCCV năm 2021	Báo cáo đánh giá phân loại CBCCV của tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan ngành dọc; UBND cấp huyện, cấp xã.	Quý I/2022.	0
		5.6. Xử lý, sắp xếp chuyển đổi vị trí công tác theo quy định	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thanh tra tỉnh	Quý IV/2022.	0
		5.7. Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút nhân tài vào bộ máy hành chính	Báo cáo của Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Trong năm	0
6	Cải cách tài chính công	6.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021	Báo cáo của Sở Tài chính.	Sở Tài chính.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Tháng 01/2022	0
		6.2. Kết quả thực hiện các Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013, số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016, số 54/2006/NĐ-CP ngày 14/6/2006 của Chính phủ năm 2018.	Báo cáo của Sở Tài chính.	Sở Tài chính.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Quý II/2022	0
		6.3. Triển khai thực hiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức	Văn bản của UBND tỉnh	Sở Tài chính.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Trong năm	0

		kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.					
		6.4. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.	Văn bản của UBND tỉnh	Sở Tài chính.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Trong năm	0
7	<b>Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số</b>	7.1. Xây dựng và theo dõi triển khai thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Long An năm 2022.	- Kế hoạch UBND tỉnh. - Báo cáo kết quả.	Sở Thông tin và Truyền thông.	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện.	Tháng 12/2021.	Sở Thông tin và Truyền thông dự trù kinh phí riêng.
		7.2. Tiếp tục thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.	Báo cáo của Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông.	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện.	Trong năm	0
		7.3. Tiếp tục thực hiện giải pháp nâng cao việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.	Báo cáo của Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông.	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện.	Trong năm	0

